

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/HS-ST
Ngày 20-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Bồng

Ông Đinh Công Ó

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Khánh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà:** Ông Đặng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Đinh Văn Q (tên gọi khác: không), sinh ngày 01 tháng 5 năm 1970 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản TP, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, Đ thể: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ, Phó bí thư Đảng bộ xã HT, là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Đã bị thôi giữ chức Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ, Phó bí thư thường trực Đảng ủy xã HT khóa VII, nhiệm kỳ 2020-2025; đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 143-QĐ/UBKTHU ngày 24/01/2025 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Phù Yên); con ông Đinh Văn Y (đã chết) và bà Đinh Thị P (đã chết); có vợ là Cầm Thị G và 02 con, con lớn sinh năm 1993 và con nhỏ sinh năm 1995; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27 tháng 7 năm 2024 đến nay. Có mặt.

2. Đinh Thị N (tên gọi khác: không), sinh ngày 28 tháng 3 năm 1983 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: tiểu khu TQ, thị trấn QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: nguyên kế toán Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: nữ; tôn giáo:

không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, Đ thể: không; con ông Đinh Văn D và bà Cẩm Thị T; có chồng là Nguyễn Văn H (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27 tháng 7 năm 2024 đến nay. Có mặt.

3. Hà Thị Đ (tên gọi khác: không), sinh ngày 10 tháng 10 năm 1991 tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản TP, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: phó chủ tịch Mặt trận tổ quốc xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 144-QĐ/UBKTHU ngày 24/01/2025 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Phù Yên; con ông Hà Văn P và bà Lương Thị H; có chồng là Hà Văn T và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14 tháng 11 năm 2024 đến nay. Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*: Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự: Ông Hoàng Ngọc S – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Phòng TC - KH huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Đức Z, sinh năm 1984 – trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: tiểu khu X, thị trấn QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Ông Hà Văn P, sinh năm 1962. Nơi cư trú: bản TP, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Ông Cẩm Văn N, sinh năm 1979. Nơi cư trú: bản MT, xã HT huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Ông Bàn Văn X, sinh năm 1967. Nơi cư trú: bản Suối Pai, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

5. Ông Bạc Văn M, sinh năm 1968. Nơi cư trú: bản Noong Pùng, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

6. Chị Cẩm Thị L, sinh năm 1982. Nơi cư trú: bản TC, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

7. Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1980. Nơi cư trú: bản TC, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

8. Ông Hoàng Văn F, sinh năm 1974. Nơi cư trú: bản TC, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

9. Ông Đinh Văn E, sinh năm 1977. Nơi cư trú: bản TC, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

10. Ông Lương Trọng D, sinh năm 1966. Nơi cư trú: bản TC, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

11. Anh Hà Thanh C, sinh năm 1980. Nơi cư trú: bản TP, xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

12. Ông Lê Xuân B, sinh năm 1967. Nơi cư trú: tiểu khu X, thị trấn QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

13. Anh Đinh Văn A, sinh năm 1985. Nơi cư trú: tiểu khu X, thị trấn QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Ngày 26/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện nhận được đơn đề nghị đề tên Đặng Văn Tọng là trưởng bản của xã HT, huyện Phù Yên tố cáo Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã HT, huyện Phù Yên về việc không chi trả tiền hỗ trợ kinh phí làm lán cách ly dịch bệnh Covid-19 năm 2021. Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã tiến hành điều tra, xác minh, kết quả cụ thể như sau:

Theo Quyết định số: 3289/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện Phù Yên, UBND xã HT được cấp nguồn kinh phí dự phòng với số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng). Năm 2021, UBND xã HT đã chi cho công tác bầu cử Hội đồng nhân dân (sau đây viết tắt là HĐND) các cấp tại xã số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), công tác phòng chống dịch Covid-19 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), còn lại số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) chưa sử dụng đến.

Đến giữa tháng 12/2021, Đinh Văn Q (thời điểm này là Chủ tịch UBND xã HT, huyện Phù Yên) đã chỉ đạo Đinh Thị N (thời điểm này là kế toán UBND xã HT, huyện Phù Yên) lập hồ sơ khống rút số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) trong nguồn kinh phí dự phòng đã được cấp. Đinh Thị N biết việc lập khống hồ sơ là trái quy định, theo sự chỉ đạo của Q, N đã sử dụng máy tính cá nhân soạn thảo tờ trình số 50/TTr của UBND xã HT và công văn trả lời số 06/TT-HĐND của Thường trực HĐND xã HT về việc đồng ý cho UBND xã HT được chi sử dụng số tiền kinh phí dự phòng 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Hai văn bản trên được N soạn thảo đề ngày 20/9/2021 để hợp lý mặt thời gian và N lập khống một bộ hồ sơ chứng từ với nội dung “*Chi tiền mua cây tre phát cho các bản làm lán cách ly Covid-19 năm 2021*” với tổng số tiền 39.390.000đ (Ba mươi chín triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng), còn lại số tiền 610.000đ (Sáu trăm mười nghìn đồng) là tiền kết dư

chuyển nguồn sang năm tiếp theo để UBND xã tiếp tục sử dụng. Lập hồ sơ xong, N chuyển cho Q ký vào các tài liệu có tên Q, sau đó mang hồ sơ văn phòng xã đóng dấu. N nhờ anh Hoàng Văn K ký hộ chữ ký ông Hoàng Văn F trong công văn trả lời số 06/TT-HĐND, anh K đồng ý ký vào phần chữ ký ông F, N tiếp tục đóng dấu của UBND xã lên các chữ ký của Q trong hồ sơ. Hoàn thiện xong, N lập giấy rút dự toán ngân sách nhà nước và bảng kê nội dung thanh toán tạm ứng trên dịch vụ công và chuyển cho Q ký xác nhận bằng chữ ký số rồi chuyển đến kho bạc kiểm duyệt. Sau khi được duyệt, N chỉ đạo Hà Thị Đ (lúc này kiêm nhiệm Thủ quỹ UBND xã HT) đi rút số tiền 39.390.000 đồng, Đ rút tiền xong báo lại Q và N rồi đưa lại cho N một tờ chứng từ giao dịch của ngân hàng để N đưa vào hồ sơ. Sau đó, N lập phiếu thu với nội dung *“Rút KP làm lán cách ly phòng chống dịch Covid 19 (Nguồn dự phòng), số tiền 39.390.000 đồng”* và lập phiếu chi với nội dung *“Chi tiền mua cây tre làm lán cách ly phòng chống dịch Covid-19 năm 2021”* rồi bảo cho Đ ký tên dưới mục *“THỦ QUỸ”* và nhập quỹ tiền mặt của UBND xã để chi. Q chỉ đạo Đ mở một trang sổ riêng để theo dõi việc chi số tiền này cho các công việc của UBND xã. Lúc này, Đ đã biết rõ số tiền 39.390.000đ (Ba mươi chín triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng) là nguồn kinh phí dự phòng để chi mua cây tre làm lán cách ly phòng chống dịch Covid-19 nhưng vẫn làm theo chỉ đạo của Q và N để chi số tiền này cho các công việc khác của UBND xã hết tổng số tiền 26.555.000đ (Hai mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng), trong đó cụ thể: Chi kinh phí mua bạt che và tiền ăn cho đoàn tiêm Covid-19 của huyện ngày 19/01/2022 số tiền: 2.365.000 đồng, mua dây buộc: 110.000 đồng; ngày 20/01/2022 chi tiền ăn, hóa đơn 5.500.000 đồng; ngày 24/01/2022 chi tiền ăn tiêm Covid 4.000.000 đồng; ngày 25/01/2022 chi tiền ăn tiêm Covid 1.860.000 đồng; ngày 26/01/2022 chi sửa khóa cửa UBND là 2.100.000 đồng; ngày 15/4/2022 ứng tập huấn là 5.000.000 đồng; 20/4/2022 chi tiền làm rạp, bàn ghế và tiền ăn tiêm Covid là 5.620.000 đồng. Còn lại số tiền 12.835.000đ (Mười hai triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) chưa chi, Đ đã bàn giao lại cho chị Cẩm Thị L là thủ quỹ mới của UBND xã HT quản lý. Đến tháng 3/2022, N đã nhờ Đ ký không tên của Hà Văn P, Cẩm Văn N, Bạc Văn M, Lò Văn Nhuận, Bàn Văn X, Đặng Văn Tọng trong các hợp đồng mua bán, biên bản nghiệm thu bàn giao, biên bản thanh lý hợp đồng, danh sách các bản nhận cây tre làm lán cách ly phòng chống dịch Covid-19 năm 2021 trong hồ sơ để Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Phù Yên thẩm định xét duyệt quyết toán. Đ biết những hồ sơ trên là hồ sơ không nhưng cần hoàn thiện hồ sơ để đi quyết toán nên Đ đã ký giả mạo chữ ký trong hồ sơ cho N. N mang hồ sơ đến thẩm định xét duyệt quyết toán tại Phòng tài chính – kế hoạch huyện Phù Yên, ngày 26/5/2022 hồ sơ đã được thẩm định xét duyệt quyết toán xong với số tiền 39.390.000đ (Ba mươi chín triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng).

- Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã tạm giữ: 01

máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Vostro 14, vỏ máy màu đen bị vỡ, máy cũ qua sử dụng, tạm giữ của Đinh Thị N và số tiền 39.390.000đ (Ba mươi chín triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng) do Q, N, L giao nộp.

- Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung vụ án đã nêu trên.

- Ngày 03/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã ra quyết định trưng cầu giám định số 04/QĐ-ĐCSKT-MT trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La giám định số tiền 39.390.000 đồng đã thu giữ; quyết định trưng cầu giám định số 05/QĐ-ĐCSKT-MT trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La giám định chữ ký, chữ viết, hình dấu.

Tại Bản kết luận giám định số: 185/KL-KTHS ngày 06/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Số tiền 39.390.000 đồng gửi giám định là tiền thật.

Tại bản Kết luận giám định số 189/KL-KTHS ngày 09/01/2023 của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La kết luận:

“1. Chữ ký mang tên Đinh Thị N dưới mục “PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN”, “NGƯỜI LẬP”, “Người lập danh sách” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A3, A4 so với chữ ký của Đinh Thị N trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký mang tên Đinh Văn Q dưới mục “CHỦ TỊCH UBND XÃ”, “TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ”, “ĐẠI DIỆN BÊN A” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, từ A3 đến A22 so với chữ ký của Đinh Văn Q trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người ký ra.

3. Chữ ký, chữ viết mang tên Hà Thị Đ dưới mục “NGƯỜI NỘP TIỀN”, “THỦ QUỸ”, “Khách hàng”, “THỦ QUỸ” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký, chữ viết của Hà Thị Đ trên mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người ký, viết ra.

4. Chữ ký dưới mục “Ký nhận” trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 và chữ ký, chữ viết dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A5 đến A22 so với chữ ký, chữ viết của Hà Thị Đ trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M10, M11, M12, M13, M14, M15 là do cùng một người ký, viết ra.

5. Chữ ký dưới mục “Ký nhận” tương ứng với số thứ tự 01 trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 và chữ ký, chữ viết mang tên Hà Văn P dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A5, A6, A7 so với chữ ký, chữ viết của Hà Văn P trên mẫu so sánh ký hiệu M4 không phải do cùng một người ký, viết ra.

6. Chữ ký dưới mục “Ký nhận” tương ứng với số thứ tự 02 trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 và chữ ký, chữ viết mang tên Cẩm Văn N dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A8, A9, A10 so với chữ ký, chữ viết của Cẩm

Văn N trên mẫu so sánh ký hiệu M5 không phải do cùng một người ký, viết ra.

7. Chữ ký dưới mục “Ký nhận” tương ứng với số thứ tự 03 trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 và chữ ký, chữ viết mang tên Lò Văn Nhuận dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên các mẫu cần giám định A11, A12, A13 so với chữ ký, chữ viết của Lò Văn Nhuận trên mẫu so sánh ký hiệu M6 không phải do cùng một người ký, viết ra.

8. Chữ ký dưới mục “Ký nhận” tương ứng với số thứ tự 04 trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 và chữ ký, chữ viết mang tên Bạc Văn M dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A14, A15, A16 so với chữ ký, chữ viết của Bạc Văn M trên mẫu so sánh ký hiệu M7 không phải do cùng một người ký, viết ra.

9. Chữ ký dưới mục “Ký nhận” tương ứng với số thứ tự 05 trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 và chữ ký, chữ viết mang tên Bàn Văn X dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A17, A18, A19 so với chữ ký, chữ viết của Bàn Văn X trên mẫu so sánh ký hiệu M8 không phải do cùng một người ký, viết ra.

10. Chữ ký dưới mục “Ký nhận” tương ứng với số thứ tự 06 trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 và chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Văn Tọng dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A20, A21, A22 so với chữ ký, chữ viết của Đặng Văn Tọng trên mẫu so sánh ký hiệu M9 không phải do cùng một người ký, viết ra.

11. Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D XÃ HT H.PHÙ YÊN T.SON LA” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A3, A4, A5, A8, A11, A14, A17, A20, A22 so với hình dấu tròn cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M16 là do cùng một con dấu đóng ra”.

- Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã ra quyết định trung cầu giám định số 06/QĐ-ĐCSKT-MT trung cầu Giám định viên tư pháp thuộc Sở Tài chính tỉnh Sơn La giám định số tiền thiệt hại cho ngân sách Nhà nước.

Tại bản Kết luận giám định ngày 12/01/2023, của Sở Tài chính tỉnh Sơn La kết luận: “...Thiệt hại tiền ngân sách nhà nước đối với kinh phí dự phòng năm 2021 của UBND xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La là 39.390.000 đồng (Ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng)”.

- Ngày 11/9/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã ra quyết định trung cầu giám định số 678/QĐ-ĐCSHS-KTMT trung cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định chữ ký, hình dấu.

Tại bản kết luận giám định số 1842/KL- KTHS ngày 16/9/2024 Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La kết luận:

“1. Chữ ký mang tên “Hoàng Văn F” dưới mục “TM. THƯỜNG TRỰC HĐND CHỦ TỊCH” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với 12 (mười hai) chữ ký tại trang thứ nhất trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu tròn có nội dung “H.Đ.N.D XÃ HT H.PHÙ YÊN T.SON LA *” trên

mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một con dấu đóng ra”.

- Ngày 07/8/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã ra quyết định trưng cầu giám định số 576/QĐ-ĐC SHS-KTMT trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định dữ liệu điện tử.

Tại bản kết luận giám định số 5993/KL- KTHS ngày 01/10/2024 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tỉnh Sơn La kết luận:

“Trong ổ cứng mẫu cần giám định:

- Tìm thấy:

+ 01 (một) tệp tin có tên: "DS NHAN CAY TRE.xlsx" (dung lượng 11,8 KB) có phần nội dung đánh máy giống nội dung của mẫu so sánh ký hiệu M3;

+ 01 (một) tệp tin có tên: "LAN CACH LY TIEN PHONG.docx" (dung lượng 23,6 KB) có một phần nội dung đánh máy giống nội dung của 03 (ba) mẫu so sánh ký hiệu: M4, M5, M6;

+ 01 (một) tệp tin có tên: "LAN CACH LY MUONG THUONG.docx" (dung lượng 22,3 KB) có một phần nội dung đánh máy giống nội dung của 03 (ba) mẫu so sánh ký hiệu: M7, M8, M9;

+ 01 (một) tệp tin có tên: "LAN CACH LY TAN CONG.docx" (dung lượng 22,5 KB) có một phần nội dung đánh máy giống nội dung của các mẫu so sánh ký hiệu: M10, M11, M12;

+ 01 (một) tệp tin có tên: "LAN CACH LY NOONG PUNG.docx" (dung lượng 22,5 KB) có một phần nội dung đánh máy giống nội dung của các mẫu so sánh ký hiệu: M13, M14, M15;

+ 01 (một) tệp tin có tên: "LAN CACH LY SUOI PAI.docx" (dung lượng 22,3 KB) có một phần nội dung đánh máy giống nội dung của các mẫu so sánh ký hiệu: M16, M17, M18;

+ 01 (một) tệp tin có tên: "LAN CACH LY SUOI N.docx" (dung lượng 22,5 KB) có một phần nội dung đánh máy giống nội dung của các mẫu so sánh ký hiệu: M19, M20, M21.

(Chi tiết thể hiện trong Phụ lục kèm theo)

Không tìm thấy các tệp tin có nội dung phần đánh máy giống nội dung của 02 (hai) mẫu so sánh ký hiệu M1 và M2”.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày nội dung vụ án như nêu trên, không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn dân sự và người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự không yêu cầu các bị cáo hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại đơn xin vắng mặt của ông Đinh Đức Z, người đại diện theo pháp luật của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Phù Yên trình bày: số tiền 39.390.000đ (Ba mươi chín triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng) là tiền các bị cáo gây thiệt hại ngân sách nhà nước. Đây là nguồn kinh phí dự phòng UBND huyện Phù Yên cấp cho UBND xã HT, nội dung chi ngân sách đã được quyết toán xong, cần thu hồi trả lại ngân sách Nhà nước; Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Phù Yên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, ngoài ra không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

- Cáo trạng số: 02/CT-VKS ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Thị N và Hà Thị Đ về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Thị N và Hà Thị Đ phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và đề nghị áp dụng các căn cứ pháp luật xử phạt đối với các bị cáo như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn Q từ 20 (Hai mươi) đến 26 (Hai mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Thị N từ 20 (Hai mươi) đến 26 (Hai mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Thị Đ từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận việc các bị cáo: Đinh Văn Q nộp số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng), Đinh Thị N nộp số tiền 15.555.000đ (Mười lăm triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) là tiền các bị cáo khắc phục thiệt hại.

Ghi nhận việc chị Cẩm Thị L nộp lại số tiền 12.835.000đ (Mười hai triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền kinh phí dự phòng chưa sử dụng.

- Về vật chứng vụ án và biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, nộp lại ngân sách Nhà nước số tiền 39.390.000 đồng gồm: số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) do bị cáo Q giao nộp, số tiền 15.555.000đ (Mười lăm triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) do bị cáo Đinh Thị N giao nộp, số tiền 12.835.000đ (Mười hai triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) do chị Cẩm Thị L giao nộp.

Trả lại 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Vostro 14, SERVICE TAG(Sn): CBCX2K2, vỏ máy tính màu đen, vỏ máy bị vỡ, máy cũ đã qua sử dụng, cho bị cáo Đinh Thị N được quyền quản lý, sử dụng.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Thị N, Hà Thị Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai trong quá trình điều tra, không có ý kiến gì tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng ông Lê Xuân B và phòng Tài chính kế hoạch huyện Phù Yên có đơn đề

ngiht xét xử vắng mặt, nguyên đơn dân sự vắng mặt không có lý do. Xét thấy, hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, các bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc các bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên; Bản tự khai; Kết luận giám định chữ ký, chữ viết, hình dấu và dữ liệu điện tử; Kết luận giám định số tiền thiệt hại cho ngân sách Nhà nước; Lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Tháng 12 năm 2021, bị cáo Đinh Văn Q đã chỉ đạo bị cáo Đinh Thị N lập khống hồ sơ, chứng từ chi tiền mua cây tre phát cho các bản làm lán cách ly Covid-19 năm 2021 để rút số tiền 39.390.000đ (Ba mươi chín triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng) là tiền từ nguồn kinh phí dự phòng của xã HT, huyện Phù Yên. Sau khi rút được tiền, Q và N đã chỉ đạo bị cáo Hà Thị Đ sử dụng số tiền trên để chi cho các công việc khác của UBND xã. Đ biết rõ nguồn tiền là từ nguồn kinh phí dự phòng nhưng vẫn chỉ không đúng mục đích theo chỉ đạo của Q và Đ đã ký khống vào hồ sơ, chứng từ giúp N hoàn thiện việc quyết toán. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự, quy định mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Phân hóa vai trò phạm tội: Bị cáo Đinh Văn Q đã trực tiếp chỉ đạo các bị cáo Đinh Thị N, Hà Thị Đ lập khống hồ sơ, chứng từ quyết toán, chỉ không đúng mục đích gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước, nên giữ vai trò chính trong vụ án; Bị cáo Đinh Thị N là Kế toán đã chủ động tham mưu cho bị cáo Đinh Văn Q và trực tiếp lập khống hồ sơ, chứng từ quyết toán để rút tiền gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước, nên giữ vai trò đồng phạm; Bị cáo Hà Thị Đ biết rõ số tiền 39.390.000đ (Ba mươi chín triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng) là nguồn tiền là từ nguồn kinh phí dự phòng nhưng vẫn chỉ không đúng mục đích theo chỉ đạo của Q và ký khống vào hồ sơ, chứng từ giúp N hoàn thiện việc quyết toán nên giữ vai trò đồng phạm trong vụ án. Quá trình phạm tội các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc với nhau về

việc ai phải thực hiện công việc cụ thể nào, không phân chia số tiền chiếm đoạt được, do đó đánh giá đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Nhưng hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cần căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự xem xét tính chất của đồng phạm, tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo để có một mức án phù hợp, tương xứng với mỗi hành vi của từng bị cáo gây ra.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, Các bị cáo nhận thức được việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ là vi phạm pháp luật, tuy nhiên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, gây mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân và Nhà nước, đồng thời gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt tương xứng nhằm giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, bản thân không có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Thị N đã chủ động nộp tiền, để khắc phục toàn bộ hậu quả đã gây ra; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đinh Văn Q trong quá trình công tác có thành tích xuất sắc, được Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La tặng thưởng bằng khen, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nguyên đơn dân sự có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Đinh Văn Q có bố, mẹ vợ được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, nhiều tình tiết giảm nhẹ, mục đích phạm tội không mang tích chất tư lợi mà chỉ nhằm thực hiện công việc chung của đơn vị, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, để các bị cáo có thể trở thành người có ích cho gia đình và xã hội về sau, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập:

Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa, xác định: Các bị cáo đều bị điều chuyển công tác khác, không còn giữ chức vụ gì trong công việc. Tuy có

công việc ổn định nhưng mức thu nhập chỉ đủ chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, các bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị. Xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều khó khăn, nuôi con nhỏ, vợ bị cáo Đinh Văn Q thường ốm đau bệnh tật, chồng bị cáo Hà Thị Đ không có công việc thu nhập, bị cáo Đinh Thị N đã ly hôn phải trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chưa thành niên. Do đó cần xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Đối với việc các bị cáo Đinh Văn Q đã tự nguyện nộp số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng), Đinh Thị N nộp số tiền 15.555.000đ (Mười lăm triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) trong quá trình điều tra vụ án để khắc phục hậu quả, xét là tự nguyện, đúng pháp luật, do đó cần ghi nhận.

- Đối với số tiền 12.835.000đ (Mười hai triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) do chị Cẩm Thị L nộp trong quá trình điều tra vụ án. Xét số tiền trên là của ngân sách Nhà nước, do đó cần trả lại cho ngân sách Nhà nước quản lý, sử dụng.

- Ghi nhận việc nguyên đơn dân sự không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự thêm.

[6] Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) do Đinh Văn Q giao nộp, số tiền 15.555.000đ (Mười lăm triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) do Đinh Thị N giao nộp và số tiền 12.835.000đ (Mười hai triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) do chị Cẩm Thị giao nộp. Xét đây là tiền các bị cáo gây thiệt hại ngân sách Nhà nước do đó, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Vostro 14, SERVICE TAG(Sn): CBCX2K2, vỏ máy tính màu đen, vỏ máy bị vỡ, máy cũ đã qua sử dụng. Xét đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Đinh Thị N, do đặc thù công việc kế toán nên phải dùng chiếc máy của cá nhân để thực hiện nhiệm vụ, việc bị cáo dùng để soạn thảo các giấy tờ để thực hiện hành vi phạm tội là đương nhiên vì nếu không có máy tính của bị cáo, bị cáo vẫn phải dùng máy tính khác của đơn vị, do đó chưa đến mức phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước, mà cần giao trả lại cho bị cáo được quyền quản lý, sử dụng là phù hợp.

[7] Đối với những tổ chức, cá nhân có liên quan:

- Đối với ông Hà Văn P, ông Cẩm Văn N, ông Bàn Văn X, ông Bạc Văn M là những người có tên trong chứng từ mua bán cây tre, tuy nhiên quá trình điều tra xác định đều không được ký tên trong các chứng từ do bị cáo Đinh Thị N lập khống,

không được bàn bạc, không liên quan đến hành vi của các bị cáo. Do đó hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

- Đối với chị Cẩm Thị L (hiện nay là Thủ quỹ của UBND xã HT, huyện Phù Yên), tháng 10/2022 chị L được chỉ định thay thế bị cáo Hà Thị Đ làm thủ quỹ của UBND xã HT và nhận bàn giao lại các khoản kinh phí của UBND xã P quản lý, trong đó có số tiền 12.835.000đ (Mười hai triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) kinh phí dự phòng còn lại chưa chi. Chị Cẩm Thị L biết nguồn tiền từ nguồn kinh phí dự phòng nhưng số tiền này chưa chi cho nội dung nào, chị L đã giao nộp lại cơ quan CSĐT. Xét thấy, chị L không được bàn bạc, không liên quan đến hành vi của các bị cáo, do đó hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

- Đối với anh Hoàng Văn K là công chức văn phòng thống kê UBND xã HT (hiện nay là công chức văn phòng thống kê UBND xã Huy Thượng). Khi bị cáo N nhờ anh ký giả mạo chữ ký của ông Hoàng Văn F vào tờ trình số 06/HĐND, anh K không biết N lập tài liệu với nội dung gì và không biết mục đích của N, do bị cáo N nên anh ký hộ. Anh K không được bàn bạc, không liên quan đến hành vi của các bị cáo, không được hưởng lợi từ việc ký giả mạo chữ ký. Hành vi của anh Hoàng Văn K không phải là đồng phạm với các bị cáo tuy nhiên đã vi phạm vào Điều 16 Luật viên chức năm 2010 và khoản 5, Điều 18 Luật kế toán năm 2015. Ngày 17/12/2024, cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã ban hành văn bản đề nghị UBND xã Huy Thượng kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và có hình thức xử lý phù hợp là đúng theo quy định, cần chấp nhận.

- Đối với nguyên Ủy viên Ban thường vụ xã HT, huyện Phù Yên năm 2021 gồm có: ông Đinh Văn E (nguyên Phó bí thư thường trực Đảng ủy xã HT), ông Hà Thanh C (nguyên Phó chủ tịch UBND xã), ông Lường Trọng D (nguyên Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã HT). Hành vi của các bị cáo không báo cáo Ban thường vụ xã do đó Ban thường vụ xã không biết mục đích lập hồ sơ khống rút tiền nên không được chỉ đạo, bàn bạc, thống nhất với các bị cáo, không được hưởng lợi từ hành vi của các bị cáo, do đó hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

- Đối với anh Đinh Văn A là chuyên viên được trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Phù Yên giao nhiệm vụ thẩm định quyết toán đối với hồ sơ nguồn kinh phí dự phòng của UBND xã HT năm 2021. Quá trình thẩm định quyết toán hồ sơ, anh A không phát hiện được đây là hồ sơ lập khống. Anh A không phát hiện được nội dung chứng từ thu, chi không đúng thời gian, số tiền và đối tượng thụ hưởng nhưng vẫn xác định hồ sơ đảm bảo đủ điều kiện được xét duyệt quyết toán. Anh A đã soạn thảo biên bản thẩm định quyết toán trình trưởng phòng ký quyết toán. Anh A không được biết mục đích lập hồ sơ khống của các bị cáo, không được bàn bạc thống nhất, không được hưởng lợi từ hành vi của các bị cáo khi thẩm định xét duyệt quyết toán đối với hồ sơ. Hành vi của anh A không phải là đồng phạm với các bị cáo tuy nhiên

hành vi của anh A đã vi phạm khoản 2 Điều 18 Luật kế toán và khoản 4 Điều 13; điểm đ khoản 1 Điều 66 Luật ngân sách nhà nước. Ngày 17/12/2024, cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã ban hành văn bản đề nghị UBND huyện Phù Yên, phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Phù Yên kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm và có hình thức xử lý là phù hợp theo quy định, cần chấp nhận.

- Đối với ông Lê Xuân B, nguyên là M phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Phù Yên, là người đã giao nhiệm vụ cho anh Đinh Văn A thẩm định quyết toán đối với hồ sơ nguồn kinh phí dự phòng của UBND xã HT năm 2021. Quá trình thẩm định, chuyên viên báo cáo ông hồ sơ đảm bảo đủ điều kiện được xét duyệt quyết toán, không phát hiện sai phạm sau đó soạn thảo biên bản thẩm định quyết toán trình ông ký. Do tin tưởng cấp dưới nên ông đã ký vào biên bản thẩm định quyết toán hồ sơ kinh phí thu chi ngân sách năm 2021 cho UBND xã HT. Hành vi của ông B không phải là đồng phạm với các bị cáo tuy nhiên hành vi của ông B đã vi phạm khoản 2 Điều 18 Luật kế toán và khoản 4 Điều 13 và khoản 5 Điều 66 Luật ngân sách Nhà nước. Ngày 17/12/2024, cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã ban hành văn bản đề nghị UBND huyện Phù Yên, Thanh tra huyện Phù Yên kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và có hình thức xử lý là phù hợp theo quy định, cần chấp nhận.

[8] Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Thị N, Hà Thị Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; nguyên đơn dân sự, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Văn Q.

Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Thị N.

Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Thị Đ.

- Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Thị N, Hà Thị Đ phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn Q 21 (Hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Đinh Thị N 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Hà Thị Đ 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, phạt tiền đối với các bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án.

- Giao các bị cáo Đinh Văn Q, Hà Thị Đ cho Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Đinh Thị N cho Ủy ban nhân dân thị trấn QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi các bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Căn cứ khoản 2 Điều 36 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Tạm hoãn xuất cảnh đối với các bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Thị N, Hà Thị Đ trong thời gian chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận việc các bị cáo Đinh Văn Q đã nộp lại số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng), Đinh Thị N nộp số tiền 15.555.000đ (Mười lăm triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) để khắc phục hậu quả.

Ghi nhận việc chị Cẩm Thị Hà nộp lại số tiền 12.835.000đ (Mười hai triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền kinh phí dự phòng chưa sử dụng.

Ghi nhận việc nguyên đơn dân sự không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) của bị cáo Đinh Văn Q nộp; số tiền 15.555.000đ (Mười lăm triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) của bị cáo Đinh Thị N nộp; số tiền 12.835.000đ (Mười hai triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cẩm Thị Hà nộp, đều được đựng trong các phong bì niêm phong dán kín.

Trả lại 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Vostro 14, SERVICE TAG(Sn): CBCX2K2, vỏ máy tính màu đen, vỏ máy bị vỡ, máy cũ đã qua sử dụng cho bị cáo Đinh Thị N được quyền quản lý sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 15 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 01 năm 2025 giữa Công an huyện Phù Yên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Thị N, Hà Thị Đ, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 20/3/2025). Nguyên đơn dân sự, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ
CA tỉnh Sơn La;
- Cơ quan thi hành án hình sự
CA tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Đức